

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HS-PT

Ngày: 20-02-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Khắc Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Minh Tùng

Ông Nguyễn Tuấn Anh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Giang Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 338/2022/HS-PT ngày 22 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo Trần Văn T và đồng phạm. Do có kháng cáo của bị cáo Trần Văn T và Trần Thị M đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2022/HS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H.

- ***Bị cáo có kháng cáo:***

1. Trần Văn T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1984, tại Đồng Tháp; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp B, xã Tc, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T1 và bà Dương Thị H; Có vợ và 04 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 97/2017/HSPT ngày 14 tháng 4 năm 2017, chấp hành xong ngày 03 tháng 8 năm 2017, đã xóa án tích; Tạm giam: Không; Hiện bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Thị M, sinh năm 1983, tại Đồng Tháp; Giới tính: Nữ; Nơi cư trú: Ấp B, xã Tc, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T1 và bà Dương Thị H; Chưa có chồng con; Tiền án, tiền sự: Không; Hiện bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho các bị cáo Trần Văn T và Trần Thị M theo yêu cầu: Luật sư Ngô Quang Thế - Văn phòng luật sư Quang Thế, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Viện kiểm sát không có kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 01 tháng 6 năm 2022, lực lượng Đoàn Biên phòng C đang trực chốt gác tại ấp X, xã T, huyện H thì phát hiện Trần Văn T điều khiển xe mô tô biển số 7XF9-91XX, phía sau chở Trần Thị M kéo theo xe đẩy, hướng chợ C đi thành phố H, có biểu hiện nghi vấn nên lực lượng Đoàn biên phòng ra tín hiệu dừng phương tiện để kiểm tra, phát hiện mặt dưới của thùng xe đẩy có chứa 1.960 bao thuốc lá điều nhập lậu (trong đó 1.210 bao hiệu JET, 500 bao hiệu HERO, 250 bao hiệu SCOTT). Xét thấy, có dấu hiệu tội phạm nên Đoàn Biên phòng C chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Trần Văn T thừa nhận liên lạc với người phụ nữ tên P (bên Campuchia) mua 1.000 bao thuốc lá hiệu JET, giá 16.200.000 đồng; Trần Thị M mua 500 bao thuốc lá hiệu HERO, 210 bao thuốc lá hiệu JET, 250 bao thuốc lá hiệu SCOTT, giá 14.320.000 đồng, chưa trả tiền, số thuốc lá trên do người thanh niên người Campuchia giao tại bờ sông S thuộc ấp B, xã T, huyện H. Cả hai chất thuốc lá lên xe đẩy cùng chở đến thành phố H mục đích bán cho người thanh niên tên T2 (không rõ họ, chữ lót) thì bị bắt.

Vật chứng thu giữ:

- 1.210 bao thuốc lá ngoại hiệu JET; 500 bao thuốc lá ngoại hiệu HERO; 250 bao thuốc lá ngoại hiệu SCOTT.

- 01 xe mô tô biển số 7X-F9-91XX, nhãn hiệu ZINDA, màu sơn: Đen, đã qua sử dụng. Do ông Nguyễn Thanh T3 đứng tên đăng ký đã bán cho người khác. M mua lại chưa chuyển tên đăng ký. xe đẩy bằng kim loại, chiều dài thùng xe 1,8 mét, chiều rộng thùng xe 01 mét, chiều cao 0,5 mét, đã qua sử dụng. Đây là tài sản của M sử dụng làm phương tiện chuyên thuốc lá điều nhập lậu.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu xám, có bàn phím, gắn sim số 0363.056.610, đã qua sử dụng, của Tuấn sử dụng vào việc liên lạc mua bán thuốc lá điều nhập lậu.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2022/HS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 191, Điều 17, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm “Tội vận chuyển hàng cấm”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 191, Điều 17, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị M phạm “Tội vận chuyển hàng cấm”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị M 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Cùng ngày 21 tháng 11 năm 2022, các bị cáo Trần Văn T và Trần Thị M có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, xin phạt tiền hoặc xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm cho rằng cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Văn T và Trần Thị M với tội danh, điều khoản của tội danh và mức hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Án sơ thẩm đã xem xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ đối với bị cáo. Xét mức hình phạt 08 tháng tù đối với bị cáo T và 06 tháng tù đối với bị cáo M mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp. Các bị cáo có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo hoặc phạt tiền nhưng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà án sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn T và Trần Thị M, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo Trần Văn T và Trần Thị M.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Trần Văn T và Trần Thị M phát biểu quan điểm: Thống nhất với án sơ thẩm cũng như quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản của tội danh áp dụng đối với các bị cáo T và M. Đồng thời, vị luật sư viện dẫn về nguyên nhân, điều kiện, ý thức, phạm tội của các bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ như các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; Cả hai bị cáo đều có trình độ học vấn thấp nên việc nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Gia đình bị cáo M có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình để nuôi cha mẹ già, anh bị bệnh tai biến. Bản thân bị cáo T cũng là lao động chính trong gia đình để nuôi 04 con còn nhỏ. Xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình của các bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và xem xét cho bị cáo M được hưởng án treo.

Các bị cáo không phát biểu tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Văn T và Trần Thị M đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với biên bản vụ việc ngày 01/6/2022, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Để có tiền chi tiêu sinh hoạt cá nhân nên các bị cáo đã có hành vi “Vận chuyển hàng cấm” là thuốc lá điều nhập lậu số lượng 1.960 bao (trong đó 1.210 bao hiệu JET, 500 bao hiệu HERO, 250 bao hiệu SCOTT) thì bị lực lượng Biên phòng bắt quả tang cùng tang vật vào ngày 01/6/2022.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của bị cáo Trần Văn T và Trần Thị M là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại của Nhà nước ta. Các bị cáo là người đã trưởng thành có tinh thần, thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, động cơ mục đích phạm tội là để tư lợi cá nhân. Các bị cáo thừa biết việc vận chuyển hàng cấm là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện chứng tỏ hành vi của các bị cáo là cố ý và tội phạm đã hoàn thành.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Trần Văn T và Trần Thị M về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm b khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Xét mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và đã cân nhắc, xem xét về nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Sau khi án sơ thẩm tuyên, các bị cáo Trần Văn T và Trần Thị M cùng có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo hoặc phạt tiền nhưng không cung cấp được tình tiết nào mới ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn T và Trần Thị M, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Trần Văn T và Trần Thị M.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo Trần Văn T và Trần Thị M là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét đề nghị của vị luật sư là chưa phù hợp như Hội đồng xét xử đã nhận định ở phần trên nên không chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của các bị cáo Trần Văn T và Trần Thị M không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo hoặc phạt tiền của các bị cáo Trần Văn T và Trần Thị M. Giữ nguyên phần quyết định bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Trần Văn T và Trần Thị M.

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T và Trần Thị M cùng phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 191; Điều 17; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 191; Điều 17; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Trần Thị M 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo Trần Văn T và Trần Thị M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí phúc thẩm hình sự.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GDKT 1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- Trại tạm giam CAT;
- TAND huyện H (04 bản);
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Cơ quan CSĐT CA huyện H;
- Cơ quan THAHS CA huyện H;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA Tòa án Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu VT, HSVA, (M).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Lê Khắc Thịnh**